

## PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Xu hướng toàn cầu hoá nền kinh tế thế giới đòi hỏi các quốc gia phải sử dụng ngôn ngữ kế toán chung nhằm giúp đảm bảo thông tin có thể so sánh trên phạm vi quốc tế. Quá trình hội tụ kế toán quốc tế đang diễn ra hiện nay cùng với sự phát triển không ngừng của hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế và các chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế. Ở nước ta, đáp ứng xu hướng hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế, Việt Nam đã và đang thiết lập hành lang pháp lý về kế toán, kiểm toán theo thông lệ các nước nhằm hoàn thiện và nâng cao chất lượng thông tin kế toán. Trong một DN, kết quả của hệ thống thông tin kế toán là thông tin về tình hình tài chính, tình hình kết quả kinh doanh và lưu chuyển dòng tiền của đơn vị. Chất lượng thông tin kế toán là vấn đề cực kỳ quan trọng vì nó ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng và hiệu quả quyết định của người sử dụng thông tin.

Hiện nay, Việt Nam vẫn là nước có tỷ trọng nông nghiệp lớn trong cơ cấu ngành nghề của đất nước. Tuy nhiên, nhờ chính sách đổi mới, mở cửa và chuyển đổi cơ cấu kinh tế, ngành chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản tương đối phát triển nhằm tận dụng các ưu thế về tài nguyên, con người của đất nước. Trong đó, các DN CBTACN là một trong những mắt xích quan trọng để vận hành tốt hơn quy trình hoạt động và phát triển của cả ngành chăn nuôi Việt Nam. Các DN CBTACN ở nước ta mới phát triển từ những năm 1970, với vô vàn khó khăn về vốn, công nghệ, nguyên liệu và đặc biệt thị trường đầu ra luôn chịu ảnh hưởng của thời tiết, dịch bệnh, mùa vụ.

Mục tiêu của kế toán là cung cấp thông tin hữu ích cho người sử dụng tuy nhiên lại vấp phải rào cản do những khuôn mẫu và nguyên tắc kế toán còn nhiều hạn chế. Về mặt thực tiễn, kế toán doanh thu, CP và KQKD trong DN nói chung còn hạn chế về tính minh bạch do các DN có xu hướng che giấu. Kế toán doanh thu, CP, KQKD chưa cung cấp thông tin đầy đủ để phục vụ cho việc ra quyết định của người sử dụng.

Đối với các DN CBTACN cũng không phải là ngoại lệ. Việc giảm thiểu các CP, xây dựng chiến lược bán hàng hợp lý, thúc đẩy hoạt động tiêu thụ là nhiệm vụ quan trọng với mọi DN nói chung và DN CBTACN nói riêng. Để thực hiện được điều đó DN cần các thông tin thích hợp của kế toán doanh thu, CP và KQKD. Kế toán doanh thu, CP và xác định KQKD sẽ giúp các DN nắm bắt thông tin về doanh thu, CP và KQKD một cách chính xác. Từ đó, giúp nhà quản trị DN có kế hoạch SXKD hợp lý đồng thời đánh giá hiệu quả sử dụng các CP bỏ ra, doanh thu thu được để có biện pháp kiểm soát CP, nâng cao hiệu quả SXKD.

Hơn nữa, việc vận dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán trong thực hiện kế toán nói chung và kế toán doanh thu, CP và KQKD trong các DN CBTACN ở miền

Bắc vẫn còn tồn tại một số những hạn chế nhất định.

Nhận thức được tầm quan trọng của kế toán doanh thu, CP và KQKD trong các DN CBTACN ở miền Bắc, tôi đã lựa chọn đề tài **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi ở miền Bắc”** cho luận án tiến sĩ của mình.

## **2. Tổng quan nghiên cứu**

Thông qua phần này, tác giả muốn cung cấp đến người đọc bức tranh tổng quan về quá trình nghiên cứu trước đây trên thế giới cũng như trong nước về các vấn đề có liên quan đến nội dung của luận án. Từ đó tiến hành xác định khoảng trống nghiên cứu cho đề tài nghiên cứu của mình. Bên cạnh đó, công tác tổng hợp các nghiên cứu trước đó cũng một phần nhằm minh chứng cho tính cấp thiết của luận án này.

*Thứ nhất, Các nghiên cứu riêng biệt về kế toán doanh thu, chi phí, KQKD*

*Thứ hai, Các công trình nghiên cứu về doanh thu, CP và KQKD trong DN sản xuất*

*Thứ ba, Các công trình nghiên cứu về kế toán trong các DN CBTACN ở Việt Nam*

## **3. Đánh giá kết quả các nghiên cứu trước đây**

Sau khi tìm hiểu các nghiên cứu có liên quan đến kế toán doanh thu, CP và xác định KQKD, tác giả rút ra các kết luận sau:

*Thứ nhất*, chưa có công trình nghiên cứu nào nghiên cứu KTQT DT, CP, xác định KQKD theo hướng tiếp cận các nội dung của KTQT DT, CP, xác định KQKD theo chức năng của KTQT như: KTQT DT, CP, xác định KQKD phục vụ chức năng lập kế hoạch; KTQT DT, CP, xác định KQKD cho việc thực hiện chức năng tổ chức thực hiện; KTQT DT, CP, xác định KQKD phục vụ chức năng kiểm soát và KTQT DT, CP, xác định KQKD phục vụ chức năng ra quyết định. Để thực hiện từng chức năng quản trị thì nhà quản trị cần những thông tin gì và KTQT DT, CP, xác định KQKD cần thực hiện những công việc nào để cung cấp thông tin cho nhà quản trị thực hiện chức năng đó.

*Thứ hai*, chưa có các công trình nghiên cứu xây dựng mô hình để xác định nhu cầu thông tin của nhà quản trị làm cơ sở để hoàn thiện kế toán quản trị doanh thu, CP và xác định KQKD.

*Thứ ba*, các công trình nghiên cứu về kế toán doanh thu, CP và xác định KQKD cho đến thời điểm hiện tại chưa có luận án nào nghiên cứu về kế toán doanh thu, CP và xác định KQKD trong các DN CBTACN ở miền Bắc.

Từ các phát hiện qua nghiên cứu tổng quan, trên cơ sở kế thừa các nội dung nghiên cứu về kế toán doanh thu, CP và xác định KQKD của các nghiên cứu trong và ngoài nước, tác giả lựa chọn nghiên cứu kế toán doanh thu, CP và xác định KQKD tại

các DN CBTACN ở Miền Bắc trên hai góc độ KTTC và KTQT.

#### **4. Mục tiêu nghiên cứu của luận án**

##### **4.1. Mục tiêu nghiên cứu của luận án**

*Mục tiêu tổng quát của luận án:* Mục tiêu của luận án là làm rõ thực trạng kế toán DT, CP và xác định KQKD trong các DN CBTACN ở miền Bắc và đề xuất các pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, CP, KQKD của các DN CBTACN ở miền Bắc.

*Mục tiêu cụ thể của luận án:*

*Thứ nhất,* hệ thống hóa làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán doanh thu, CP và xác định KQKD trong DN xem xét dưới cả hai góc độ KTTC và KTQT.

*Thứ hai,* khảo sát, phân tích, đánh giá thực trạng kế toán doanh thu, CP và KQKD trong các DN CBTACN ở miền Bắc trên cả góc độ KTTC và KTQT, làm rõ những kết quả đạt được cũng như những hạn chế, nguyên nhân của những hạn chế.

*Thứ ba,* nghiên cứu nhu cầu và sự đáp ứng nhu cầu thông tin của nhà quản trị tại DN CBTACN ở miền Bắc làm cơ sở để hoàn thiện kế toán quản trị doanh thu, CP và xác định KQKD.

*Thứ tư,* đưa ra các đề xuất, kiến nghị nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, CP và xác định KQKD trong các DN CBTACN ở miền Bắc.

##### **4.2. Câu hỏi nghiên cứu**

- Các vấn đề lý luận về kế toán doanh thu, CP, xác định KQKD trong DN sản xuất như thế nào?
- Thực tế các DN CBTACN ở miền Bắc đã thực hiện kế toán doanh thu, CP, xác định KQKD như thế nào trong thời gian qua?
- Những hạn chế và nguyên nhân gây ra những hạn chế của kế toán doanh thu, CP, xác định KQKD của các DN CBTACN ở miền Bắc là gì?
- Kế toán doanh thu, CP, xác định KQKD của các DN CBTACN ở miền Bắc cần phải có những giải pháp gì trong thời gian tới để đảm bảo cung cấp thông tin KTTC và thông tin KTQT phục vụ các chức năng quản trị một cách tốt nhất?

#### **5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

##### **5.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của luận án là cơ sở lý luận và thực tiễn kế toán doanh thu, CP, KQKD trong các DN CBTACN ở miền Bắc.

##### **5.2. Phạm vi nghiên cứu**

*Phạm vi nội dung nghiên cứu*

Về KTTC, luận án nghiên cứu kế toán DT, CP và KQKD. Về KTQT, luận án chỉ nghiên cứu KTQT tác nghiệp – thông tin KTQT phục vụ cho việc ra quyết định ngắn hạn của DN, không đề cập đến KTQT chiến lược.

*Phạm vi về không gian:* Luận án thực hiện nghiên cứu kế toán DT, CP và XKQKD trong các DN CBTACN ở miền Bắc.

*Thời gian nghiên cứu:* Luận án nghiên cứu, khảo sát thực tế, thu thập thông tin số liệu sơ cấp và thứ cấp về kế toán doanh thu, CP, và KQKD trong các DN CBTACN ở miền Bắc giai đoạn từ năm 2013 đến nay, tầm nhìn giải pháp đến năm 2025.

## **6. Phương pháp nghiên cứu**

### **6.1. Phương pháp luận**

Để thực hiện đề tài, tác giả đã sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác Lê nin để nghiên cứu các vấn đề vừa toàn diện vừa cụ thể đảm bảo tính logic của vấn đề nghiên cứu. Đồng thời nghiên cứu vấn đề trong mối quan hệ vận động và phát triển đi từ quá khứ, hiện tại đến dự đoán tương lai.

### **6.2 Phương pháp thu thập dữ liệu**

#### *6.2.1 Phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp*

Tác giả thu thập thông tin qua các kênh thông tin có sẵn: Số liệu thực trạng của ngành CBTACN trên Website của các DN, các trang tin của Viện chăn nuôi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trang Google; Niên giám thống kê.

Bên cạnh đó, tác giả cũng tham khảo, tổng hợp các nghiên cứu trước đây của các tác giả trong và ngoài nước về công tác kế toán doanh thu, CP và KQKD để tổng hợp kinh nghiệm và rút ra bài học vận dụng vào công tác kế toán doanh thu, CP và KQKD trong các DN CBTACN ở miền Bắc. Dữ liệu thứ cấp sử dụng trong luận án còn bao gồm các chứng từ kế toán, sổ kế toán tổng hợp, sổ kế toán chi tiết, các báo cáo kế toán của các DN CBTACN ở Miền Bắc.

#### *6.2.2 Phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp*

*\* Phương pháp điều tra:*

Theo Báo cáo tổng kết của Hiệp hội Thức ăn chăn nuôi giai đoạn 2010-2016, số lượng DN CBTACN ở miền Bắc là 106 trên tổng số 203 DN, chiếm 52,21% [14]. Điều tra thực tế của tác giả qua Google Driver ở miền Bắc năm 2014 có khoảng 96 DN CBTACN. Đây chính là tổng thể nghiên cứu. Tác giả căn cứ vào tổng thể nghiên cứu để chọn mẫu. Mẫu điều tra được chọn ngẫu nhiên phân tầng. Trong ngành CBTACN, thị trường được chia ra gồm nhóm các DN có quy mô sản lượng lớn (thường là các DN có vốn đầu tư nước ngoài) và nhóm các DN có quy mô sản lượng

nhỏ (thường là các DN nội địa). Trong số 10 DN có thị phần sản xuất TACN lớn nhất (Cục chăn nuôi 2014) tác giả đã chọn 9 DN có trụ sở hoặc nhà máy ở miền Bắc để khảo sát gồm Công ty CP, Proconco, Cargill, Japfa comfeed, Dabaco, GreenFeed, ANT, Vina, CJ Vina. Đối với các công ty có sản lượng nhỏ hơn tác giả đã chọn 71 DN để khảo sát.

- Phiếu câu hỏi khảo sát gửi tới cán bộ làm công tác kế toán tổng hợp hoặc kế toán trưởng tại các DN CBTACN ở miền Bắc (*Phụ lục 2.2.a*) nhằm mục đích tìm hiểu cụ thể cũng như có những đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu, CP, xác định KQKD tại các DN này. Phiếu câu hỏi khảo sát được xây dựng bao gồm các câu hỏi đóng, câu hỏi mở, câu hỏi kết hợp nhằm mục đích thu thập thông tin đa dạng. Kết quả điều tra được tổng hợp trên phần mềm Excel của Microsoft Office 2010 (*Phụ lục 2.4*) đây là cơ sở quan trọng để nghiên cứu đánh giá thực trạng của các DN này

*\* Phương pháp phỏng vấn chuyên gia:*

Phương pháp phỏng vấn được tác giả sử dụng trên cơ sở thực hiện theo các câu hỏi đã được chuẩn bị trước. Tác giả đã thực hiện phỏng vấn với hai nhóm đối tượng nhằm thu được các loại thông tin: (1) phỏng vấn nhân viên kế toán và (2) phỏng vấn nhà quản trị DN.

*\* Phương pháp quan sát:*

Phương pháp quan sát được tác giả thực hiện tại một số DN CBTACN ở miền Bắc để thu thập các thông tin ban đầu về bộ máy kế toán, bộ máy quản lý, tài khoản kế toán sử dụng, chứng từ kế toán sử dụng, báo cáo kế toán sử dụng... Kết quả của phương pháp này là các tài liệu bút ký, các mẫu biểu chứng từ, các tài liệu kế toán khác có liên quan để kế toán DT, CP và KQKD tại các DN CBTACN ở miền Bắc. Phương pháp này được sử dụng với mục đích thu thập thông tin về thực trạng kế toán DT, CP và XĐKQ tại các DN CBTACN ở miền Bắc.

### *6.3. Phương pháp xử lý dữ liệu.*

Đối với phiếu khảo sát các cán bộ kế toán của DN tác giả đã tổng hợp phân tổ thống kê và kết quả điều tra được tổng hợp trên phần mềm Excel của Microsoft Office 2010 (*Phụ lục 2.4*)

Đối với phiếu khảo sát phục vụ nghiên cứu định lượng xác định mức độ đáp ứng thông tin kế toán quản trị đối với nhu cầu thông tin của nhà quản trị, để kiểm định các giả thuyết nghiên cứu tác giả thực hiện kiểm định bằng one sample T Test với giá trị so sánh  $t=3$  nhằm so sánh mức độ đáp ứng hiện tại của hệ thống KTQT trong DN.

## **7. Đóng góp của luận án về mặt lý luận và thực tiễn**

*Về mặt lý luận:* Luận án tập trung làm rõ cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, CP và xác định KQKD trong các DNSX. Cụ thể: Vai trò, bản chất, nguyên tắc kế toán DT, CP và KQKD trong các DNSX. KTTC DT, CP và xác định KQKD trong các DNSX và KTQT DT, CP và xác định KQKD trong các DNSX.

*Về mặt thực tiễn:* Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng kế toán doanh thu, CP và xác định KQKD trong các DN CBTACN ở miền Bắc, luận án đã nhận diện và trình bày những vấn đề tồn tại trong công tác kế toán doanh thu, CP và KQKD tại các DN này trên cả hai góc độ KTTC và KTQT. Xuất phát từ những tồn tại, bất cập này, luận án đã đề xuất nhóm giải pháp hoàn thiện KTTC doanh thu, CP và KQKD theo hệ thống ghi nhận thông tin KTTC và nhóm giải pháp hoàn thiện KTQT doanh thu, CP và KQKD theo thông tin KTQT gắn với từng chức năng quản trị.

## **8. Kết cấu của luận án**

Ngoài lời mở đầu và kết luận, luận án được xây dựng gồm các phần chính sau:

Phần mở đầu

*Chương 1:* Cơ sở lý luận về công tác kế toán doanh thu, CP và xác định KQKD trong các DN sản xuất

*Chương 2:* Thực trạng công tác kế toán doanh thu, CP và xác định KQKD trong các DN CBTACN ở miền Bắc

*Chương 3:* Giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, CP và xác định KQKD trong các DN CBTACN ở miền Bắc

## **Chương 1**

### **CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT**

#### **1.1. Vai trò của thông tin kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp sản xuất**

## **1.2. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp sản xuất**

*1.2.1. Doanh thu và phân loại doanh thu.*

*1.2.2. Chi phí và phân loại chi phí*

*1.2.3. Kết quả kinh doanh và phân loại kết quả kinh doanh*

## **1.3. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp sản xuất**

***1.3.1. Kế toán tài chính doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp sản xuất***

*1.3.1.1. Thu nhận thông tin ban đầu về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp sản xuất*

Chứng từ kế toán sử dụng để thu nhận thông tin ban đầu về kế toán doanh thu, CP và KQKD, xét theo giao dịch kinh tế phản ánh trên chứng từ, chứng từ kế toán phản ánh doanh thu, CP và KQKD bao gồm:

Chứng từ phản ánh doanh thu: hóa đơn bán hàng, hợp đồng cung cấp sản phẩm dịch vụ...

Chứng từ phản ánh CP: phiếu xuất kho, bảng thanh toán tiền lương, bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định, phiếu chi, biên lai thu tiền, giấy báo của ngân hàng, sổ phụ ngân hàng...

Chứng từ phản ánh KQKD: chủ yếu là các chứng từ nội sinh như các phiếu kế toán thực hiện kết chuyển.

*1.3.1.2. Hệ thống hóa và xử lý thông tin kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp sản xuất*

a. Hệ thống hóa và xử lý thông tin kế toán doanh thu

*Điều kiện ghi nhận doanh thu và nguyên tắc kế toán*

*Vận dụng tài khoản và sổ kế toán doanh thu*

b. Hệ thống hóa và xử lý thông tin kế toán CP

-Nguyên tắc kế toán CP

-Kế toán giá vốn hàng bán

-Kế toán CPBH và CPQLDN

- Kế toán CP tài chính

- Kế toán CP khác

c. Kế toán kết quả kinh doanh trong DN

*Nguyên tắc xác định kết quả kinh doanh trong DN*

*Trình bày và công bố trên BCTC [*

*Nguyên tắc kế toán*

*TK và sổ kế toán KQKD*

### *Quy trình kế toán*

#### *1.3.1.3. Trình bày thông tin doanh thu, CP và KQKD trên BCTC*

### **1.3.2. Kế toán quản trị doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp sản xuất**

#### *1.3.2.1. Thông tin doanh thu, CP và xác định KQKD với các chức năng quản trị DN*

#### *1.3.2.2. KTQT doanh thu, CP và xác định KQKD phục vụ chức năng lập kế hoạch*

Xây dựng định mức CP

Lập dự toán doanh thu, CP và kết quả kinh doanh

\* Dự toán doanh thu tiêu thụ sản phẩm

\* Dự toán chi phí:

\* Dự toán kết quả kinh doanh

#### *1.3.2.3. KTQT doanh thu, CP và xác định KQKD phục vụ chức năng tổ chức thực hiện*

a. Ghi nhận ban đầu về doanh thu, CP và KQKD

b. Các phương pháp xác định CP

c. Quy trình tập hợp, xử lý và cung cấp thông tin KTQT doanh thu, CP, KQKD

#### *1.3.2.4. KTQT doanh thu, CP và xác định KQKD phục vụ chức năng kiểm soát*

#### *1.3.2.5. KTQT doanh thu, CP và xác định KQKD phục vụ chức năng ra quyết định*

### **1.4 Chuẩn mực kế toán quốc tế và kinh nghiệm các nước về kế toán doanh thu, CP và KQKD**

#### 1.4.1 Chuẩn mực kế toán quốc tế về doanh thu, CP và KQKD trong DN

#### 1.4.2 Kinh nghiệm của một số nước trên thế giới về kế toán doanh thu, CP, KQKD

#### 1.4.3 Bài học kinh nghiệm cho DNSX Việt Nam về kế toán doanh thu, CP, KQKD

### **KẾT LUẬN CHƯƠNG 1**

Trong chương 1 luận án đã tập trung làm rõ lý luận cơ bản về kế toán doanh thu, CP và xác định KQKD trong các DN sản xuất dưới góc độ KTTC và KTQT. Cụ thể luận án phân tích nội dung cơ bản về KTTC doanh thu, CP và KQKD của DN bằng cách tiếp cận với các khái niệm, nguyên tắc kế toán và chuẩn mực kế toán quốc tế được thừa nhận và công bố chính thức về kế toán CP, doanh thu, KQKD trong DN trong điều kiện hiện nay. Đồng thời luận án cũng nêu rõ các nội dung của KTQT kế toán doanh thu, CP và KQKD trong DN sản xuất. Qua những nội dung lý luận cơ bản này luận án cũng đã làm rõ được vai trò, tầm quan trọng của kế toán doanh thu, CP, KQKD trong DN.

Những vấn đề lý luận đã trình bày ở chương 1 cung cấp cơ sở nền tảng quan trọng để đối chiếu, đánh giá những quy định pháp lý về kế toán CP, doanh thu, KQKD của DN trong hệ thống kế toán DN Việt nam hiện nay, đánh giá thực trạng kế toán CP, doanh thu, KQKD trong các DN CBTACN ở miền Bắc. Trên cơ sở đó, có



các luận cứ cần thiết để đề xuất các nội dung, giải pháp điều kiện kế toán CP, doanh thu, KQKD trong các DN CBTACN ở miền Bắc.

## Chương 2

# THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP CHẾ BIẾN THỨC ĂN CHĂN NUÔI Ở MIỀN BẮC

### 2.1. Tổng quan về các doanh nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi ở Miền Bắc

#### 2.1.1. Giới thiệu chung về các doanh nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi ở Miền Bắc

Theo báo cáo ngành chăn nuôi năm 2016 thì sản lượng TACN công nghiệp tại Việt Nam năm 2016 là khoảng 20,1 triệu tấn (chưa kể thức ăn thủy sản). Sản lượng TACN công nghiệp liên tục tăng cao, trong suốt 5 năm qua từ 2012 đến 2016 tăng từ 5,6% đến 23%/năm (Bảng 2.1)

Theo báo cáo tình hình quản lý và kinh doanh TACN Việt Nam năm 2016, Việt Nam có 218 nhà máy sản xuất TACN công nghiệp, trong đó các DN trong nước chiếm khoảng 70% về số lượng nhà máy, 30% còn lại thuộc về DN có vốn đầu tư nước ngoài (Bảng 2.2).

#### 2.1.2. Đặc điểm sản phẩm thức ăn chăn nuôi

Đặc điểm SP TACN là sản phẩm có tính tương đồng về nguyên liệu, kích cỡ, giá trị. SP TACN có giá trị nhỏ, khối lượng SP lớn. Danh mục SP sản xuất có tính chất ổn định, ít biến động, nếu có sự thay đổi chỉ là sự thay đổi một số thành phần trong nguyên liệu TACN do sự thay đổi nguyên liệu hoặc thay đổi yêu cầu về dinh dưỡng của SP.

#### 2.1.3. Đặc điểm tổ chức SXKD trong các DN CBTACN ảnh hưởng đến kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Quy trình công nghệ sản xuất TACN mang tính chất sản xuất hàng loạt. Quy trình sản xuất TACN là quy trình sản xuất liên tục và khép kín. Quá trình sản xuất SP trải qua nhiều công đoạn phức tạp, ví dụ quy trình chế biến thức ăn đậm đặc gồm các công đoạn như: nạp nguyên liệu, nghiền, trộn, cân, ra bao, đóng gói;

Thời gian một quy trình sản xuất ngắn, đối với thức ăn hỗn hợp thời gian 60 phút/1 mẻ, thức ăn đậm đặc thời gian khoảng 90 -120 phút/1 mẻ. SP được sản xuất theo từng mẻ SP. Mỗi mẻ chỉ sản xuất một loại SP riêng biệt.

#### 2.1.4. Hệ thống quản lý, cơ chế tài chính và tổ chức công tác kế toán trong các DN CBTACN ở miền Bắc

##### 2.1.4.1. Hệ thống quản lý trong các DN CBTACN ở miền Bắc

##### 2.1.4.2. Đặc điểm cơ chế tài chính trong các DN CBTACN ở miền Bắc

##### 2.1.4.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán trong các DN CBTACN ở miền Bắc

###### a. Tổ chức bộ máy kế toán

b. Chính sách kế toán

**2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi ở Miền Bắc**

**2.2.1. Nội dung và đặc điểm doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi ở miền Bắc**

**2.2.1.1. Nội dung và đặc điểm doanh thu trong các DN CBTACN ở Miền Bắc**

Qua khảo sát thực tế tại các DN CBTACN ở Miền Bắc 100% các DN tiến hành phân loại doanh thu theo nguồn gốc hình thành doanh thu. Theo cách phân loại này, doanh thu của hoạt động kinh doanh của DN bao gồm: doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác

**2.2.1.2. Nội dung và đặc điểm chi phí tại các DN CBTACN ở miền Bắc**

Qua kết quả khảo sát thực tế tại các DN CBTACN ở Miền Bắc (Phụ lục 2.4), 100% các DN CBTACN áp dụng cách phân loại CP theo mối quan hệ với các khoản mục trên BCTC và theo yếu tố CP để phục vụ cho công tác KTTC.

**2.2.1.3. Nội dung và đặc điểm kết quả kinh doanh tại các DN CBTACN ở Miền Bắc**

**2.2.2. Thực trạng kế toán tài chính doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi ở Miền Bắc**

**2.2.2.1. Thực trạng thu nhận thông tin ban đầu về kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong các DN CBTACN ở Miền Bắc**

**Chứng từ kế toán doanh thu**

-*Chứng từ phản ánh doanh thu bán hàng:* Để kế toán doanh thu bán hàng DN sử dụng: Hoá đơn, Phiếu thu, Giấy báo Có, Hợp đồng kinh tế và các chứng từ khác có liên quan.

-*Chứng từ phản ánh doanh thu tài chính:* Giấy báo có của ngân hàng.

- *Chứng từ phản ánh thu nhập khác:* Hóa đơn (trường hợp thanh lý, nhượng bán TSCĐ; thanh lý nguyên vật liệu, phế liệu); Biên bản góp vốn; ...

**Chứng từ kế toán chi phí**

- *Chứng từ phản ánh giá vốn hàng bán:* Để kế toán giá vốn hàng bán DN sử dụng Phiếu xuất kho (Phụ lục 2.20), biên bản kiểm nhận hàng hóa.

- *Chứng từ phản ánh CPBH.*

- *Chứng từ phản ánh CP QLDN*

- *Chứng từ phản ánh CP tài chính*

- *Chứng từ phản ánh CP khác*

**2.2.2.2. Thực trạng hệ thống hóa và xử lý thông tin về kế toán doanh thu, CP và xác định kết quả kinh doanh trong các DN CBTACN ở Miền Bắc**

a. Thực trạng hệ thống hóa và xử lý thông tin về kế toán doanh thu trong các DN

## CBTACN ở Miền Bắc

*Điều kiện ghi nhận doanh thu.*

Mặc dù DN bán hàng theo các phương thức khác nhau nhưng qua khảo sát thực tế tại các DN CBTACN trên địa bàn miền Bắc, nguyên tắc ghi nhận doanh thu là nguyên tắc doanh thu thực hiện.

*Vận dụng tài khoản kế toán*

*Vận dụng sổ kế toán*

*Về quy trình ghi sổ kế toán*

b. Thực trạng hệ thống hóa và xử lý thông tin kế toán CP trong các DN CBTACN ở Miền Bắc

**\* Kế toán giá vốn hàng bán.**

- Vận dụng TK kế toán

- Sổ kế toán sử dụng

- Kế toán nghiệp vụ giá vốn hàng bán

**\* Kế toán CP tài chính**

- Vận dụng TK kế toán

- Sổ kế toán sử dụng

- Kế toán CP tài chính

**\* Kế toán CPBH, CPQLDN**

+) Nội dung CPBH và CPQLDN

+) Vận dụng TK kế toán, sổ kế toán

+) Kế toán các nghiệp vụ CPBH, CP QLDN

**\* Kế toán CP khác**

- Vận dụng TK kế toán

- Vận dụng sổ kế toán

- Kế toán CP khác

c. Thực trạng hệ thống hóa và xử lý thông tin về kế toán KQKD trong các DN CBTACN ở Miền Bắc

- Vận dụng TK kế toán:

- Kế toán nghiệp vụ xác định KQKD

Sổ kế toán sử dụng

2.2.1.3. Trình bày báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại các DN CBTACN ở Miền Bắc

**2.2.2. Thực trạng kế toán quản trị doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi ở miền Bắc**

2.2.2.1. Nghiên cứu mức độ cung cấp thông tin kế toán quản trị doanh thu, CP và

*KQKD đáp ứng nhu cầu của nhà quản trị tại DN CBTACN ở Miền Bắc*

**\*Xác định các nhân tố ảnh hưởng tới nhu cầu thông tin của nhà quản trị**

Kết quả khảo sát tại một số DN CBTACN ở Miền Bắc về nhu cầu thông tin về doanh thu, CP và KQKD tác giả nhận thấy rằng các DN CBTACN có nhu cầu thông tin về (1) SP, (2) đơn đặt hàng, (3) khách hàng, (4) bộ phận. Căn cứ vào kết quả khảo sát, tác giả xác định biến nhu cầu thông tin doanh thu, CP và KQKD được đo lường bằng 4 loại thông tin như trên. Mức độ thỏa mãn nhu cầu từng loại thông tin được đo lường bằng thang đo Likert 5 mức độ từ 1- không đáp ứng đến mức 5 – đáp ứng rất tốt. Thông tin về doanh thu, CP và xác định KQKD được đánh giá là có nhu cầu khi mức điểm bình quân từ 3 điểm trở lên.

**\*Xây dựng các giả thuyết sau:**

*Giả thuyết H<sub>1</sub>: Hệ thống định mức đã đáp ứng được yêu cầu của công tác lập dự toán của các đối tượng*

*Giả thuyết H<sub>2</sub>: Hệ thống dự toán đã đáp ứng được yêu cầu lập kế hoạch, kiểm soát và đánh giá kết quả hoạt động của DN*

*Giả thuyết H<sub>3</sub>: Hệ thống báo cáo đã đáp ứng được nhu cầu thông tin phục vụ công tác quản trị trong các DN CBTACN ở miền Bắc*

*Giả thuyết H<sub>4</sub>: Các thông tin doanh thu, CP và KQKD đã đáp ứng được được nhu cầu đối với hoạt động quản trị DN*

**\* Kết quả nghiên cứu**

+) Kiểm định giả thuyết H<sub>1</sub>

Qua kết quả kiểm định (*Phụ lục 2.23*) chúng ta có thể thấy hệ thống định mức chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác lập dự toán tại các DN sản xuất TACN được khảo sát.

+) Kiểm định giả thuyết H<sub>2</sub>

Hệ thống dự toán doanh thu, CP và KQKD đã không đáp ứng được yêu cầu lập kế hoạch, kiểm soát và đánh giá kết quả hoạt động của DN. (*Xem phụ lục 2.22*).

+) Kiểm định giả thuyết H<sub>3</sub>

Hệ thống báo cáo KTQT thực hiện đáp ứng được nhu cầu thông tin phục vụ công tác quản trị trong các DN CBTACN ở miền Bắc. Trong khi đó các báo cáo KTQT phân tích chưa thực sự được quan tâm.

+) Kiểm định giả thuyết H<sub>4</sub>

Kết quả kiểm định đối với giả thuyết H<sub>5</sub> cho kết quả kiểm định ở *Phụ lục 2.26*, trong đó các thông tin về CP NVLTT (3.98), thông tin CP NCTT (4.0333), thông tin CP SXC (4.0333 điểm), thông tin CP sản xuất từng loại SP (4.0867 điểm), thông tin CP CPBH (4.0133), thông tin CP QLDN (4.0867), thông tin doanh thu bán hàng

(3.9733 điểm), thông tin giá vốn hàng bán (4.12), thông tin kết quả lãi lỗ (4.1067) đã đáp ứng và đáp ứng tốt nhu cầu đối với hoạt động quản trị của DN. Mặt khác các thông tin về thông tin CP liên quan đến từng khách hàng (2.22), Thông tin CP liên quan đến từng đơn đặt hàng (2.2067) chưa đáp ứng tốt nhu cầu đối với hoạt động quản trị của DN.

**2.2.2.2. KTQT doanh thu, CP và xác định KQKD phục vụ chức năng lập kế hoạch**  
Xây dựng định mức và lập dự toán doanh thu, CP và KQKD

*Xây dựng định mức CP kinh doanh*

Qua khảo sát thực tế tại các DN CBTACN ở miền Bắc, 58/58 DN (chiếm 100%) đã tiến hành xây dựng định mức CP NVLTT. Tuy nhiên, định mức CP NVLTT mới chỉ được xây dựng là định mức về mặt lượng NVL cần thiết cho 1 kg thành phẩm thức ăn. Đây là cơ sở để xác định khối lượng NVL xuất kho cho 1 mẻ SP nhất định bằng cách lấy định mức về lượng NVL nhân với số kg thành phẩm cần sản xuất.

*Lập dự toán doanh thu, CP và KQKD*

- *Dự toán doanh thu tiêu thụ*

Kết quả khảo sát tổng kết được như sau: Có 39/58 DN (chiếm 67,2%) đã tiến hành lập dự toán. Cụ thể có 9/9 (100%) DN có quy mô lớn và 30/49 (61,2%) có tiến hành lập dự toán trong đó dự toán bán hàng được DN quan tâm hơn cả. Theo kết quả khảo sát, 100% DN có lập dự toán đều đã lập dự toán bán hàng (dự toán doanh thu).

*Dự toán chi phí*

Các DN CBTACN ở miền Bắc đã bắt đầu quan tâm và tiến hành lập dự toán chi phí. Dự toán giá thành sản xuất SP có 13/58 DN (chiếm 22,4%) lập (*Phụ lục 2.33*).

**2.2.3.3 KTQT doanh thu, CP và KQKD phục vụ chức năng thực hiện**

**\*Ghi nhận thông tin ban đầu về doanh thu, CP, KQKD**

**\*Quy trình tập hợp, xử lý và cung cấp thông tin kế toán doanh thu, CP và xác định KQKD**

**2.2.3.4 KTQT doanh thu, CP và KQKD phục vụ chức năng kiểm soát**

**2.2.3.5 KTQT doanh thu, CP và KQKD phục vụ chức năng ra quyết định**

- *Phân tích mối quan hệ CP – khối lượng – lợi nhuận*

- *Phân tích đánh giá kết quả hoạt động của các bộ phận, trung tâm trách nhiệm*

- *Định giá bán SP*

**2.3. Đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi ở miền Bắc**

**2.3.1. Ưu điểm**

**2.3.1.1. Về kế toán tài chính doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi ở miền Bắc**

- *Quản lý doanh thu, CP và KQKD*

Các DN CBTACN ở miền Bắc phân loại doanh thu theo nguồn gốc hình thành doanh thu; phân loại doanh thu theo mặt hàng bán ra; phân loại doanh thu theo phạm vi tiêu thụ. Việc này giúp nhà quản trị DN có được thông tin về doanh thu dưới các khía cạnh khác nhau trên cơ sở đó có đánh giá về doanh thu của từng hoạt động SXKD, từng mặt hàng, từng khách hàng...

Việc phân loại CP theo mối quan hệ với các khoản mục trên BCTC và phân loại CP theo yếu tố CP mang lại thuận lợi cho quá trình thực hiện công tác kế toán như theo dõi, phản ánh CP, lập báo cáo có liên quan.

KQKD được xác định theo từng hoạt động

- *Đánh giá về tuân thủ các khuôn mẫu kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.*

Việc ghi nhận và trình bày thông tin doanh thu, CP và xác định KQKD tại các DN CBTACN ở miền Bắc đã tuân thủ các khuôn mẫu kế toán doanh thu, CP và xác định KQKD cũng như chế độ kế toán DN hiện hành.

- *Thực hành kế toán doanh thu, CP và xác định KQKD*

*Vận dụng chứng từ kế toán*

*Vận dụng TK kế toán*

*Vận dụng sổ kế toán*

*Trình bày BCTC*

**2.3.1.2. Về kế toán quản trị doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi ở miền Bắc**

- *Nhận thức của nhà quản trị*
- *Về KTQT phục vụ chức năng lập kế hoạch*
- *Về KTQT phục vụ chức năng tổ chức thực hiện*
- *Về KTQT phục vụ chức năng kiểm soát*
- *Về KTQT phục vụ chức năng ra quyết định*

### **2.3.2. Hạn chế**

**2.3.2.1. Về nhận diện, xác định doanh thu, CP, xác định kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi ở miền Bắc.**

**2.3.2.2. Về KTTC doanh thu, CP, xác định kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi ở miền Bắc.**

\* *Hệ thống hoá và xử lý thông tin kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD trong các DN CBTACN ở miền Bắc*

*Thứ nhất: Về hạch toán khoản giảm trừ doanh thu.*

Nhiều DN CBTACN ở miền Bắc khi hạch toán khoản giảm trừ doanh thu

không phân biệt riêng chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các khoản giảm trừ doanh thu được hạch toán chung vào khoản chiết khấu thương mại. Bên cạnh đó, đối với hàng bán bị trả lại các DN không thực hiện hạch toán mà đem hàng mới đến đổi. Việc hạch toán không đúng nội dung giảm trừ doanh thu như trên làm sai lệch thông tin kế toán. Đồng thời nhà quản trị cũng không có đủ thông tin để nhận diện chính xác khoản phát sinh làm giảm trừ doanh thu trong kỳ là khoản gì.

*Thứ hai: Về việc ghi nhận CP giá vốn hàng bán*

Hiện nay, các DN CBTACN ở miền Bắc ghi nhận CP giá vốn hàng bán chủ yếu là CP SX ra SP mà chưa đề cập đến các khoản như dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng hao hụt mất mát... Mặt khác, theo kết quả tìm hiểu của tác giả tại một số DN CBTACN đều xảy ra tình trạng CPNVLTT phát sinh thực tế vượt định mức quy định. Tuy nhiên, các DN chưa thực hiện phân biệt phần CPNVLTT vượt định mức và chưa hạch toán theo quy định.

*Thứ ba: Về việc xác định nội dung và ghi nhận CPBH*

Đối với SP TACN, mỗi mẻ SP sản xuất hoàn thành trước khi đưa ra thị trường cần được kiểm nghiệm, chi phí kiểm nghiệm này gắn liền với hoạt động sản xuất SP. Bên cạnh đó, tại DN CBTACN ở Miền Bắc định kỳ phải thuê tiến hành đánh giá SP để được chứng nhận hợp quy SP. CP này hiện nay được các DN hạch toán vào CPBH. Việc kế toán không đúng bản chất sự phát sinh của CP dẫn đến việc hạch toán CPBH không chính xác.

*Thứ tư: Vận dụng sổ kế toán*

Nhiều DN CBTACN ở miền Bắc chưa mở đầy đủ các sổ kế toán doanh thu, CP, KQKD.

*2.3.2.3 Về kế toán quản trị doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các DN CBTACN ở miền Bắc.*

*Thứ nhất: Về khả năng cung cấp thông tin kế toán doanh thu, chi phí và KQKD đáp ứng nhu cầu của nhà quản trị*

Căn cứ vào kết quả kiểm định được trình bày trong phần 2.2.2.1 và từ Phụ lục 2.22 đến Phụ lục 2.26 có thể nhận thấy thông tin KTQT của các DN CBTACN ở miền Bắc chưa đáp ứng được một cách đầy đủ nhu cầu thông tin kế toán doanh thu, CP và KQKD của nhà quản trị DN. Các thông tin này phần lớn được thực hiện ở các DN nhằm đáp ứng yêu cầu của KTTC.

*Thứ hai: Về KTQT doanh thu, CP và KQKD phục vụ chức năng lập kế hoạch*

Theo kết quả khảo sát tại các DN CBTACN ở miền Bắc thì hệ thống định mức của các DN này chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác lập dự toán.

*Thứ ba: Về KTQT doanh thu, CP và KQKD phục vụ chức năng tổ chức thực*



hiện

*Thứ tư: Về KTQT doanh thu, CP và KQKD phục vụ chức năng kiểm soát*

*Thứ năm: Về KTQT doanh thu, CP và KQKD phục vụ chức năng ra quyết định*

### **2.3.3. Nguyên nhân của các hạn chế**

*Thứ nhất*, hệ thống khung pháp lý về kế toán của nước ta đang trong quá trình đổi mới theo hướng phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế và hội nhập quốc tế.

*Thứ hai*, các DN CBTACN ở miền Bắc có những đặc thù riêng trong cơ cấu tổ chức quản lý, đặc điểm quy trình SXKD, đặc điểm sản phẩm, đặc điểm tiêu thụ SP, ... nên việc vận dụng chế độ kế toán trong các DN này có những sự khác biệt nhất định giữa các DN.

*Thứ ba*, nhận thức về vai trò của thông tin kế toán trong công tác quản lý của các nhà quản trị DN CBTACN ở miền Bắc còn nhiều hạn chế.

*Thứ tư*, trình độ, năng lực chuyên môn và đầu tư trang thiết bị phục vụ cho công tác kế toán ở các đơn vị trong ngành không đồng đều, chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu công việc trong điều kiện mới.

*Thứ năm*, DN CBTACN ở miền Bắc phần lớn là các DN có quy mô nhỏ và vừa dẫn đến tính minh bạch về thông tin chưa đáp ứng được yêu cầu.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 2**

Qua khảo sát thực tế công tác kế toán doanh thu, CP và xác định KQKD tại các DN CBTACN ở miền Bắc, trong chương 2 luận án đã đề cập đến một số nội dung cơ bản sau:

- Phân tích rõ đặc điểm tổ chức kinh doanh, đặc điểm SP, đặc điểm của quy trình công nghệ sản xuất SP TACN ảnh hưởng đến công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, CP và KQKD nói riêng.

- Khái quát, phân tích, đánh giá thực trạng kế toán doanh thu, CP, KQKD trong các DN CBTACN ở miền Bắc dưới cả hai góc độ là KTTC và KTQT ở một số DN được khảo sát, minh họa bằng các tài liệu kế toán cụ thể; nghiên cứu định lượng về mức độ đáp ứng nhu cầu thông tin KTQT cho nhà quản trị trong các DN CBTACN ở miền Bắc.

Đồng thời luận án nêu rõ ưu điểm, hạn chế cũng như nguyên nhân của những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, CP và xác định KQKD từ phía Nhà nước và nguyên nhân từ phía các DN CBTACN ở miền Bắc. Đây là căn cứ quan trọng để tác giả đề xuất các giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, CP và KQKD trong các DN CBTACN ở miền Bắc theo mục tiêu đã đề ra.

### **Chương 3**

## **GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP CHẾ BIẾN THỨC ĂN CHĂN NUÔI Ở MIỀN BẮC**

**3.1. Định hướng phát triển ngành CBTACN ở Việt nam và yêu cầu của việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong các DN CBTACN ở miền Bắc**

**3.1.1. Định hướng phát triển ngành CBTACN ở Việt Nam**

**3.1.2. Yêu cầu của việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các DN CBTACN ở miền Bắc.**

*Thứ nhất*, việc hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm hoạt động SXKD, đặc điểm tổ chức hoạt động SXKD và yêu cầu, trình độ quản lý của các DN CBTACN ở miền Bắc.

*Thứ hai*, việc hoàn thiện kế toán doanh thu, CP và xác định KQKD phải đảm bảo tuân thủ theo chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán và thông lệ quốc tế.

*Thứ ba*, hoàn thiện kế toán doanh thu, CP và KQKD cần được thực hiện trên cả hai phương diện KTTC và KTQT.

*Thứ tư*, hoàn thiện kế toán doanh thu, CP và KQKD trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin.

*Thứ năm*, việc hoàn thiện phải đáp ứng mục tiêu hiệu quả và tiết kiệm.

**3.2. Giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi ở miền Bắc**

**3.2.1. Hoàn thiện kế toán tài chính doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các DN CBTACN ở miền Bắc**

**3.2.1.1. Hoàn thiện thu nhận thông tin ban đầu về kế toán doanh thu, CP và xác định kết quả kinh doanh.**

DN có thể thêm những chỉ tiêu phù hợp với yêu cầu cung cấp thông tin. Ngoài ra, chứng từ kế toán cần thiết kể thêm các chỉ tiêu nhằm phục vụ cho việc chứng từ phản ánh đối tượng chịu CP, đối tượng để ghi nhận doanh thu. Bên cạnh đó, chứng từ kế toán cần phải phản ánh thêm các chỉ tiêu để kiểm soát CP và phục vụ cho việc tập hợp CP cho từng đối tượng chịu phí là mẹ SP, SP, phân xưởng, khách hàng, chi nhánh.... Thực hiện được như vậy sẽ giúp kế toán doanh thu, CP, KQKD có thể tiến hành chi tiết, chính xác hơn.

Cụ thể Phiếu xuất kho thành phẩm để xuất bán thì cần bổ sung ghi rõ thêm các chỉ tiêu: Mã khách hàng, Số phiếu đặt hàng, Người vận chuyển, Số xe vận chuyển, Giao hàng tới địa điểm, Mã hàng.

Căn cứ vào mã từng loại SP, phần mềm có cơ sở hạch toán giá vốn thành phẩm xuất bán, trên cơ sở mã khách hàng có cơ sở để theo dõi giá vốn hàng bán theo khách hàng. (Phụ lục 3.1: Phiếu xuất kho thành phẩm).

**3.2.1.2. Hoàn thiện hệ thống hóa và xử lý thông tin kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi ở miền Bắc**

***Thứ nhất, hoàn thiện kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.***

Các DN CBTACN ở miền Bắc nên hoàn thiện các chính sách chiết khấu, giảm giá cho các khách hàng để góp phần tăng doanh thu và nâng cao hiệu quả kinh doanh của DN. Đối với kế toán, việc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu phải thực hiện đúng chế độ kế toán hiện hành. Cụ thể:

- + Chứng từ kế toán:
- + TK kế toán sử dụng:
- + Nguyên tắc hạch toán:
- + Phương pháp hạch toán:

***Thứ hai, hoàn thiện ghi nhận chi phí***

**\* Hoàn thiện ghi nhận chi phí Giá vốn hàng bán**

**\* Hoàn thiện xác định nội dung chi phí bán hàng**

***Thứ ba, hoàn thiện sổ kế toán doanh thu, CP và xác định KQKD***

Các DN CBTACN ở miền Bắc cần hoàn thiện hệ thống sổ kế toán chi tiết doanh thu tương ứng với việc mở chi tiết của các TK doanh thu. Cụ thể, mở sổ chi tiết theo TK ‘Doanh thu bán thành phẩm’; TK ‘Doanh thu bán nguyên vật liệu’; mở sổ chi tiết doanh thu theo từng chi nhánh bán hàng, từng khách hàng...

Bên cạnh đó, DN CBTACN ở miền Bắc cần mở sổ chi tiết theo dõi riêng từng khoản giảm trừ doanh thu. Cụ thể mở sổ chi tiết ‘Chiết khấu thương mại’; sổ chi tiết ‘Giảm giá hàng bán’; sổ chi tiết ‘Hàng bán bị trả lại’.

**3.2.2. Hoàn thiện kế toán quản trị doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi ở Miền Bắc**

**3.2.2.1. Hoàn thiện phân loại doanh thu, chi phí**

**\* Hoàn thiện phân loại doanh thu phục vụ yêu cầu quản trị DN**

**\* Hoàn thiện phân loại CP phục vụ cho yêu cầu quản trị DN**

Vì vậy CP trong các DN CBTACN cần được phân loại theo cách mức độ hoạt động. CP trong DN CBTACN nếu chia theo khoản mục CP bao gồm CP sản xuất (CP NVLTT, CP NCTT, CP SXC) và CP ngoài sản xuất (CP BH và CP QLDN). Trong từng khoản mục CP có thể có CP cố định, CP biến đổi và CP hỗn hợp.

**3.2.2.2. Hoàn thiện KTQT doanh thu, CP và KQKD phục vụ chức năng lập kế hoạch**

### ***Hoàn thiện xây dựng định mức***

Theo tác giả, các DN cần bổ sung định mức giá nguyên vật liệu để xác định định mức CP NVLTT được hoàn chỉnh. (*Phụ lục 3.2*)

CPBH và CPQLDN bao gồm nhiều yếu tố CP. Các yếu tố CP đó có thể là CP cố định, CP biến đổi và CP hỗn hợp.

#### ***Hoàn thiện lập dự toán doanh thu, CP và KQKD***

Hệ thống dự toán doanh thu, CP và KQKD trong các DN CBTACN ở miền Bắc thường bao gồm:

1. Kế hoạch về khối lượng TACN tiêu thụ trong năm, từng tháng trong năm.
2. Dự kiến về giá bán từng loại TACN, lập dự toán doanh thu.
3. Dự toán CPBH, CPQLDN
4. Dự toán giá vốn hàng bán
5. Dự toán về kết quả hoạt động kinh doanh cho từng loại SP tiêu thụ và toàn bộ SP tiêu thụ (có thể trình bày doanh thu, CP dưới dạng chức năng hoặc dưới dạng nội dung CP hoặc dưới dạng lãi trên biến phí); dự toán KQKD của từng bộ phận, trung tâm trách nhiệm.

*3.2.2.3. Hoàn thiện KTQT doanh thu, CP và KQKD phục vụ chức năng tổ chức thực hiện*

*3.2.2.4. Hoàn thiện KTQT doanh thu, CP và KQKD phục vụ chức năng kiểm soát*

*3.2.2.4 Hoàn thiện KTQT doanh thu, CP và KQKD phục vụ chức năng ra quyết định*

*Thứ nhất, hoàn thiện phân tích mối quan hệ C-V-P*

Khi phân tích mối quan hệ C-V-P, các DN cần tính toán số dư đảm phí, tỷ lệ số dư đảm phí, sản lượng hòa vốn, doanh thu hòa vốn, doanh thu an toàn, tỷ lệ doanh thu an toàn.

*Thứ hai, hoàn thiện định giá bán SP*

*Đối với DN định giá (thiết lập giá):* Đối với các DN định giá cần hoàn thiện về cách phân loại CP theo mối quan hệ giữa CP và mức độ hoạt động và định giá bán SP theo CP mà CP gốc là toàn bộ biến phí trong giá thành toàn bộ của SP tiêu thụ bao gồm: CP NVLTT, CP NCTT, biến phí SXC, biến phí bán hàng, biến phí quản lý DN.

*Đối với DN chấp nhận giá:* Các DN CBTACN ở Miền Bắc có quy mô vừa và nhỏ không quyết định được giá bán trên thị trường. Đây là các DN chấp nhận giá.

*Định giá đối với SP tiêu thụ nội bộ:* Các DN CBTACN ở Miền Bắc có hoạt động tiêu thụ nội bộ đều là các DN có quy mô lớn và đều là các DN định giá.

### **3.3. Những điều kiện thực hiện các giải pháp**

#### ***3.3.1 Về phía nhà nước***

#### ***3.3.2. Về phía Hiệp hội TACN Việt Nam***

**3.3.3. Về phía các cơ sở đào tạo và tổ chức hiệp hội nghề nghiệp**

**3.3.4. Về phía các DN CBTACN miền Bắc**

### **KẾT LUẬN CHƯƠNG 3**

Phần đầu của chương trình bày định hướng phát triển của ngành CBTACN Việt Nam trong giai đoạn từ nay đến 2020. Đây là cơ sở quan trọng cho việc đưa ra mục tiêu cũng như yêu cầu phải hoàn thiện kế toán nói chung và kế toán doanh thu, CP và xác định KQKD nói riêng trong các DN CBTACN ở miền Bắc.

Phần thứ hai của chương trình bày những nội dung căn bản cần phải hoàn thiện của công tác kế toán doanh thu, CP và xác định KQKD của các DN CBTACN ở miền Bắc dưới cả hai góc độ KTTC và KTQT nhằm tăng cường hiệu quả của thông tin kế toán phục vụ cho các đối tượng sử dụng thông tin cả bên trong và ngoài DN.

Phần cuối trình bày một số kiến nghị và điều kiện thực hiện các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, CP và xác định KQKD trong các DN CBTACN ở Miền Bắc đối với các bên có liên quan như các cơ quan quản lý nhà nước, các hiệp hội ngành nghề và bản thân các DN CBTACN ở miền Bắc.

## KẾT LUẬN

Nước ta là một quốc gia có nền kinh tế đang phát triển đã và đang hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu. Toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới mang lại nhiều cơ hội phát triển nhưng cũng tạo ra không ít thách thức với sự tồn tại và phát triển của các DN nước ta. Các DN CBTACN ở miền Bắc cũng không nằm ngoài quy luật đó. Để tồn tại và phát triển bền vững đòi hỏi các DN không ngừng cải tiến mọi mặt đặc biệt là nâng cao trình độ quản lý. Để đạt được điều đó DN cần cải tiến các công cụ quản lý. Một trong những công cụ quản lý quan trọng là kế toán. Kế toán có vai trò cung cấp thông tin cho các nhà quản trị của DN để họ thực hiện các chức năng quản lý và đưa ra được các quyết định kịp thời, đúng đắn. Vì vậy, kế toán nói chung và kế toán doanh thu, CP và xác định KQKD nói riêng tại các DN CBTACN ở miền Bắc cần không ngừng được hoàn thiện để phù hợp với thông lệ kế toán quốc tế, phù hợp với điều kiện cụ thể của các DN và điều kiện của nước ta hiện nay.

Trong phạm vi nghiên cứu luận án đã làm rõ những nội dung cơ bản:

1. Nghiên cứu, làm rõ lý luận cơ bản về kế toán CP, doanh thu, kết quả kinh trong các DN sản xuất dưới góc độ KTTC và KTQT. Cụ thể luận án phân tích nội dung cơ bản về KTTC doanh thu, CP và KQKD của DN bằng cách tiếp cận với các khái niệm, nguyên tắc kế toán và chuẩn mực kế toán quốc tế được thừa nhận và công bố chính thức về kế toán CP, doanh thu, KQKD trong DN trong điều kiện hiện nay. Đồng thời luận án cũng nêu rõ các nội dung của KTQT kế toán doanh thu, CP và KQKD trong DN sản xuất. Qua những nội dung lý luận cơ bản này luận án cũng đã làm rõ được vai trò, tầm quan trọng của kế toán doanh thu, CP, KQKD trong DN.

2. Phân tích rõ đặc điểm tổ chức kinh doanh, đặc điểm sản phẩm, đặc điểm của quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm TACN ảnh hưởng đến công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, CP và KQKD nói riêng; khái quát, phân tích, đánh giá thực tế công tác kế toán doanh thu, CP, KQKD trong các DN CBTACN ở miền Bắc dưới cả hai góc độ là KTTC và KTQT ở một số DN được khảo sát, minh họa bằng các tài liệu kế toán cụ thể; nghiên cứu định lượng về nhu cầu thông tin của các nhà quản trị DN CBTACN ở miền Bắc.

3. Đánh giá thực trạng của công tác kế toán doanh thu, CP và xác định KQKD trong các DN CBTACN ở miền Bắc, từ đó rút ra ưu điểm, hạn chế còn tồn tại cũng như chỉ ra nguyên nhân của các tồn tại.

4. Xác định nguyên tắc và những nội dung căn bản cần phải hoàn thiện của công tác kế toán doanh thu, CP và xác định KQKD của các DN CBTACN ở miền Bắc dưới cả hai góc độ KTTC và KTQT.

5. Đề xuất kiến nghị giải pháp hoàn thiện và điều kiện thực hiện các giải pháp

nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, CP và xác định KQKD trong các DN CBTACN ở miền Bắc.

Những vấn đề trình bày trong luận án được tác giả rút ra từ lý luận và thực tiễn kết quả khảo sát, đánh giá kế toán doanh thu, CP và xác định KQKD tại các DN CBTACN ở miền Bắc. Nhưng trong thời kỳ hội nhập kinh tế mạnh mẽ cả về chiều rộng và chiều sâu cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ đặc biệt là công nghệ thông tin chắc chắn nội dung của luận án còn phải hoàn thiện hơn nữa. Tác giả mong muốn nhận được được sự chỉ dẫn thêm của các nhà khoa học, thầy cô giáo, các chuyên gia, các nhà quản lý để luận án được hoàn thiện hơn.